

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2015/QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 7 năm 2015*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ  
phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 – 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1474/TTr-SNNPTNT ngày 29/ 6 /2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại các Báo cáo thẩm định số: 32/BC-STP ngày 16/3/2015 và 109/BC-STP ngày 12/6/2015,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015- 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013- 2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Đức Phổ, Mộ Đức, Lý Sơn, thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Lê Viết Chữ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã dịch vụ  
và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,  
giai đoạn 2015 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND  
ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 – 2020 về: Cơ sở hạ tầng, đất đai, tín dụng;

2. Ngoài những chính sách hỗ trợ theo Quy định này thì hợp tác xã được hưởng các chính sách khác theo quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc nếu trùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được chọn hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các hợp tác xã đã thành lập, chuẩn bị thành lập hoặc phát sinh được thành lập theo nhu cầu của địa phương trong Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 19/5/2015;

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

### **Chương II NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

#### **Điều 3. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng**

1. Hợp tác xã được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng tại vùng đất cảng trên địa bàn tỉnh để sản xuất kinh doanh, dịch vụ nghề cá. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% số tiền thuê này trong thời gian 5 năm đầu. Trường hợp hợp tác xã thuê trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được hưởng chính sách hỗ trợ này cho thời gian thuê còn lại tính từ ngày có Quyết định cho thuê đến khi đủ 05 năm.

2. Hợp tác xã được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhằm mục đích phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh cho cộng đồng thành viên, cụ thể:

a) Hợp tác xã đủ điều kiện, tiêu chí thụ hưởng thì được hưởng theo chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020. Trường hợp ngân sách Trung ương không bố trí thì ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp

tác xã với mức hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 hợp tác xã;

b) Hợp tác xã không đủ điều kiện, tiêu chí hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg thì ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp tác xã với mức hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 hợp tác xã.

#### **Điều 4. Hỗ trợ đất đai**

1. Căn cứ vào quỹ đất của từng địa phương và nhu cầu sử dụng đất của hợp tác xã, Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên vị trí, địa điểm thuận lợi cho hợp tác xã thuê đất (Ủy ban nhân dân huyện/thành phố chịu trách nhiệm bồi thường và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch) để xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi và sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của hợp tác xã;

2. Hợp tác xã thuê đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, ngoài phần được giảm 50% tiền thuê đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho hợp tác xã 50% tiền thuê đất còn lại trong thời gian 5 năm đầu;

3. Trường hợp hợp tác xã thuê đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được hưởng chính sách hỗ trợ này cho thời gian thuê còn lại tính từ ngày có Quyết định cho thuê đến khi đủ 05 năm.

#### **Điều 5. Hỗ trợ tín dụng**

Hợp tác xã có dự án, phương án đầu tư khả thi được ngân hàng chấp thuận cho vay thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong 01 năm đầu, hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong 02 năm kế tiếp tính trên mức vay tối đa không quá 05 tỷ đồng/hợp tác xã.

#### **Điều 6. Kinh phí hỗ trợ**

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg; Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí về: Cơ sở hạ tầng, đất đai, tín dụng.

2. Ngân sách huyện chịu trách nhiệm bồi thường và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối với các sở, ngành có liên quan, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện chính sách này;

b) Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kinh phí (bao gồm cả kinh phí đầu tư và kinh phí sự nghiệp), gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh;

c) Làm đầu mối tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chính sách để UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời.

## 2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp hỗ trợ hợp tác xã;

b) Hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện đúng các quy định về tài chính, kế toán.

## 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh về kinh phí đầu tư để thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ.

## 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai cho các hợp tác xã xây dựng trụ sở làm việc, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nghề cá theo quy định.

## 5. Liên minh hợp tác xã

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật đến các cấp, các ngành, địa phương đồng thời hướng dẫn các sáng lập viên xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã;

b) Thực hiện nhiệm vụ về tư vấn phát triển, hỗ trợ cho các hoạt động của hợp tác xã.

## 6. UBND các huyện, thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở, ngành có liên quan phổ biến chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và thực hiện các nội dung liên quan đến việc hỗ trợ xây dựng và phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện chính sách này đến hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn;

c) Hỗ trợ sáng lập viên trong việc mở hội nghị tuyên truyền, vận động ngư dân để thành lập hợp tác xã;

d) Ưu tiên bố trí đất để các hợp tác xã thuê xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất của hợp tác xã và chịu trách nhiệm trong bồi thường và giải phóng mặt bằng;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đối với các hợp tác xã trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

e) Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động, biến động và nhu cầu vốn hàng năm của các hợp tác xã trên địa bàn huyện, thành phố gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí.

## **Điều 8. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.